TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/10/2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**
2. Ông **TỐNG VĂN TƯ**

-Thư ký phiên tòa: Ông **LƯƠNG THẾ VINH** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Ông **NGUYỄN VĂN HẢI** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **PHAN THỊ C,** sinh năm 1973 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN VĂN T,** sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 02/7/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Phan Thị C trình bày:

Do quen biết nên chị và anh T tiến đến kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm danh dự của chị và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ năm 2017 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Con chung có hai cháu tên Nguyễn Phước K, sinh ngày 16/01/2002, Nguyễn Phước Th, sinh ngày 18/9/2007. Hiện các cháu đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan việc chị C khởi kiện như trên nhưng anh T vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; tiếp tục giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Anh Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, chị C trình bày do quen biết nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường hay dùng những lời lẽ xúc phạm, danh dự, nhân phẩm của chị gây mất tình cảm làm cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Xét thấy, cho chị C được ly hôn anh T là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh T để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có hai cháu tên Nguyễn Phước K, sinh ngày 16/01/2002, Nguyễn Phước Th, sinh ngày 18/9/2007, hiện đang sống với chị C. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho chị C nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ hai cháu đã sống ổn định với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay và bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Đồng thời, sau khi Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T thì anh vẫn bỏ mặc không có văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con chung của chị C. Từ đó, để đảm

bảo quyền lợi của con chung cũng như để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của các cháu nên tiếp tục giao cháu K và Th cho chị C nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại Toà, chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không tranh chấp nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí:* Chị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị C. Cho chị Phan Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Phước K, sinh ngày 16/01/2002, Nguyễn Phước Th, sinh ngày 18/9/2007 cho chị C nuôi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 08979 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM